

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Mười và 10 tháng năm 2023

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đến ngày 15/10/2023, các loại cây trồng vụ thu mùa năm 2023 đã cơ bản thu hoạch xong; trong đó, lúa 108.827 ha, đạt 97,2% diện tích gieo trồng; ngô 11.536 ha, đạt 94,7% diện tích gieo trồng; khoai lang 1.266 ha, đạt 97,0% diện tích gieo trồng; rau, đậu các loại 13.490 ha, đạt 98,2% diện tích gieo trồng; cây trồng khác 9.974 ha, đạt 84,8% diện tích gieo trồng. Kết quả gieo trồng vụ đông năm 2023 - 2024 đến cùng thời điểm nêu trên như sau: Ngô 10.266 ha, đạt 73,3% kế hoạch; lạc 792 ha, đạt 60,9% kế hoạch; khoai lang 933 ha, đạt 46,6% kế hoạch; rau màu các loại và cây trồng khác 15.189 ha, đạt 51,1% kế hoạch.

b) Chăn nuôi

Kết quả tiêm phòng cho gia súc, gia cầm đợt 2 năm 2023 tính đến ngày 15/10/2023 như sau: vắc xin cúm gia cầm được 3.738.280 con, đạt 59,6% diện tiêm; vắc xin dại cho chó mèo được 224.191 con, đạt 70,1% diện tiêm; vắc xin tụ huyết trùng trâu, bò được 132.761 con, đạt 56,3% diện tiêm; vắc xin lở mồm long móng trâu, bò được 135.786 con, đạt 57,6% diện tiêm; vắc xin tụ máu lợn được 166.399 con, đạt 42,4% diện tiêm; vắc xin dịch tả lợn được 204.090 con, đạt 51,9% diện tiêm; vắc xin viêm da nổi cục trâu, bò được 32.750 con.

1.2. Lâm nghiệp

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính đến ngày 19/10/2023, toàn tỉnh đã trồng được 5,65 triệu cây phân tán các loại; 9,1 nghìn ha rừng trồng tập trung, chăm sóc rừng 40 nghìn ha; khai thác 790 nghìn m³ gỗ. Công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng tiếp tục được tăng cường; không có cháy rừng xảy ra, an ninh rừng được giữ vững.

1.3. Thủy sản

Tháng 10/2023, sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản ước đạt 18.401 tấn, giảm 1,3% so với tháng trước, tăng 3,2% so với tháng cùng kỳ; trong đó, sản lượng khai thác 12.642 tấn, tăng 4,1% so với tháng trước và tăng 2,8% so với cùng kỳ; sản lượng nuôi trồng 5.760 tấn, giảm 11,3% so với tháng trước và tăng 4,1% so với tháng cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2023, sản lượng khai thác và nuôi trồng ước đạt 178.747 tấn, tăng 3,8% so với cùng kỳ; trong đó, sản lượng khai thác 116.728 tấn, tăng 4,1%; sản lượng nuôi trồng 62.021 tấn, tăng 3,1%.

2. Sản xuất công nghiệp

Tháng 10/2023, sản xuất công nghiệp tiếp tục ổn định và duy trì được tốc độ tăng trưởng đã đạt được trong 9 tháng đầu năm, Nhà máy Lọc Hóa dầu Nghi Sơn

bảo dưỡng xong và đưa vào vận hành sản xuất. Tuy nhiên, một số ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh như: may trang phục, sản xuất giày, dép, sản xuất xi măng, sắt, thép vẫn tiếp tục gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành ước tính tháng 10/2023 tăng 17,52% so với tháng trước, tăng 3,28% so với tháng cùng kỳ¹. Tính chung 10 tháng đầu năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành tăng 5,06% so với cùng kỳ².

Một số sản phẩm chủ yếu tháng 10/2023 so với tháng trước và tháng cùng kỳ như sau: Xăng các loại 163,4 nghìn tấn, giảm 36,4% so tháng cùng kỳ; dầu diesel 296,7 nghìn tấn, giảm 37,1% so với tháng cùng kỳ; bia các loại 2,7 triệu lít, giảm 22,2% so tháng trước, giảm 28,7% so tháng cùng kỳ; thuốc lá bao 20,8 triệu bao, tăng 3,0% so tháng trước, tăng 4,7% so tháng cùng kỳ; quần áo các loại 51,7 triệu cái, tăng 1,3% so tháng trước, tăng 8,6% so tháng cùng kỳ; giày thể thao 20,7 triệu đôi, tăng 5,4% so tháng trước, tăng 8,6% so tháng cùng kỳ; xi măng 1,45 triệu tấn, tăng 2,9% so tháng trước, tăng 7,0% so tháng cùng kỳ; sắt thép 122,2 nghìn tấn, tăng 4,9% so tháng trước, tăng 1,4% so tháng cùng kỳ; điện sản xuất 980 triệu kwh, tăng 10,2% so tháng trước, tăng 78,4% so tháng cùng kỳ; nước máy 4,85 triệu m³, giảm 7,4% so tháng trước, tăng 1,8% so tháng cùng kỳ.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 10/2023 dự kiến giảm 0,05% so với tháng trước, tăng 6,33% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 10 tháng đầu năm 2023, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,11% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 10/2023 dự kiến tăng 5,73% so với tháng trước, tăng 44,63% so với tháng cùng kỳ.

Số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng 10/2023 dự kiến tăng 1,90% so với tháng trước, giảm 10,98% so với tháng cùng kỳ³. Tính chung 10 tháng đầu năm 2023, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp giảm 12,16% so với cùng kỳ⁴.

3. Đầu tư

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 từ nguồn cân đối ngân sách tỉnh, vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và trái phiếu Chính phủ do tỉnh quản lý đã được

¹ Công nghiệp khai khoáng tăng 3,97% so với tháng trước, tăng 14,81% so với tháng cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 18,28% so với tháng trước, tăng 0,52% so với tháng cùng kỳ; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 8,01% so với tháng trước, tăng 55,94% so với tháng cùng kỳ; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 4,16% so với tháng trước, tăng 9,30% so với tháng cùng kỳ.

² Công nghiệp khai khoáng tăng 14,53%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,70%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 49,89%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,28% so với cùng kỳ.

³ Khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm 0,05% so với tháng trước, giảm 5,42% so với tháng cùng kỳ; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 1,32% so với tháng trước, giảm 25,15% so với tháng cùng kỳ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 2,13% so với tháng trước, giảm 7,43% so với tháng cùng kỳ.

⁴ Khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm 5,25%; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm 23,38%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm 9,59% so với cùng kỳ năm trước.

Chủ tịch UBND tỉnh giao chi tiết cho các chủ đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư giải ngân và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án. Tuy nhiên, công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện thi công xây dựng của nhiều dự án chậm; ảnh hưởng đến tiến độ thi công xây dựng và kết quả giải ngân vốn đầu tư đạt thấp, các chủ đầu tư và nhà thầu chủ yếu tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án trọng điểm, công trình chuyển tiếp.

Ước tính vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước địa phương tháng 10/2023 đạt 1.232,9 tỷ đồng, tăng 2,1% so tháng trước, tăng 46,4% so tháng cùng kỳ⁵. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước địa phương ước đạt 9.032,7 tỷ đồng, đạt 60,5% kế hoạch năm, tăng 10,9% so cùng kỳ⁶.

4. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

4.1. Hoạt động bán lẻ hàng hóa

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 10/2023 ước đạt 11.608 tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước, tăng 16,1% so với tháng cùng kỳ năm trước⁷. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2023, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 110.639 tỷ đồng, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước⁸.

4.2. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2023 giảm 0,04% so với tháng trước, tăng 1,76% so với tháng 12/2022 và tăng 2,14% so với tháng 10/2022. Bình quân 10 tháng năm 2023, CPI tăng 3,87% so với cùng kỳ năm trước.

Trong mức giảm 0,44% của CPI tháng 10/2023 so với tháng trước có 4/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm, gồm: nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,06%; nhóm giao thông giảm 1,39%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,14%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,18%. 5/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, gồm: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,14% (lương thực tăng 0,98%, thực phẩm giảm 0,09%, ăn uống ngoài gia đình tăng 0,39%); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,34%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,42%; nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,22%; nhóm thuốc và dịch vụ

⁵Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 503,3 tỷ đồng, tăng 1,6% so tháng trước, tăng 46,7% so tháng cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện 391,0 tỷ đồng, tăng 2,5% so tháng trước, tăng 46,4% so tháng cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp xã 338,6 tỷ đồng, tăng 2,6% so tháng trước, tăng 45,9% so tháng cùng kỳ.

⁶Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 3.717 tỷ đồng, tăng 9,1% so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện 2.817,7 tỷ đồng, tăng 10,1% so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp xã 2.498,1 tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ.

⁷ Tháng 10/2023: Nhóm hàng lương thực, thực phẩm ước đạt 5.357 tỷ đồng, tăng 0,7% so tháng trước, tăng 24,2% so tháng cùng kỳ; nhóm hàng may mặc 645 tỷ đồng, tăng 1,9% so tháng trước, tăng 21,4% so tháng cùng kỳ; nhóm đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình 1.118,7 tỷ đồng, tăng 0,5% so tháng trước, tăng 8,6% so tháng cùng kỳ; vật phẩm văn hóa giáo dục 109,8 tỷ đồng, giảm 1,4% so tháng trước, tăng 9,2% so tháng cùng kỳ; ô tô con các loại (dưới 9 chỗ ngồi) 412 tỷ đồng, giảm 2,0% so tháng trước, tăng 3,3% so tháng cùng kỳ; xăng, dầu các loại 1.430 tỷ đồng, giảm 0,5% so tháng trước, tăng 3,3% so với tháng cùng kỳ...

⁸ Lũy kế 10 tháng năm 2023: Nhóm hàng lương thực, thực phẩm ước đạt 50.072 tỷ đồng, tăng 19,8%; nhóm đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình 11.583 tỷ đồng, tăng 9,8%; ô tô con các loại (dưới 9 chỗ ngồi) 4.151 tỷ đồng, giảm 1,6%; xăng, dầu các loại 13.878 tỷ đồng, tăng 10,3 %...

y tế tăng 0,08%. 2/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chỉ số giá không tăng, không giảm so với tháng trước, gồm: nhóm bưu chính viễn thông và nhóm giáo dục.

Chỉ số giá vàng tháng 10/2023 tăng 0,46% so với tháng trước, tăng 9,64% so với tháng 10/2022; bình quân 10 tháng năm 2023 tăng 3,47% so với bình quân cùng kỳ năm 2022. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 10/2023 tăng 1,24% so với tháng trước, tăng 1,52% so với tháng 10/2022; bình quân 10 tháng năm 2023 tăng 2,37% so với bình quân cùng kỳ năm 2022.

4.3. Vận tải hành khách và hàng hóa

Tháng 10/2023, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 378,2 tỷ đồng, tăng 3,1% so tháng trước, tăng 13,4% so với tháng cùng kỳ, hành khách vận chuyển 2,8 triệu người, hành khách luân chuyển 186,4 triệu người.km; so với tháng trước tăng 2,9% về hành khách vận chuyển, tăng 3,0% về hành khách luân chuyển; so với tháng cùng kỳ năm trước tăng 12,3% về hành khách vận chuyển, tăng 11,0% về hành khách luân chuyển. Doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 832,3 tỷ đồng, giảm 1,0% so với tháng trước, tăng 4,0% so tháng cùng kỳ; hàng hoá vận chuyển 5,2 triệu tấn, hàng hóa luân chuyển 232,3 triệu tấn.km; so với tháng trước, giảm 1,2% về hàng hóa vận chuyển, giảm 1,2% về hàng hóa luân chuyển; so với tháng cùng kỳ năm trước, bằng về lượng hàng hóa vận chuyển, tăng 1,5% về lượng hàng hóa luân chuyển. Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 380,8 tỷ đồng, tăng 2,9% so tháng trước, tăng 34,1% so tháng cùng kỳ. Doanh thu bưu chính, chuyển phát ước đạt 6,4 tỷ đồng, tăng 5,3% so tháng trước, tăng 18,0% so tháng cùng kỳ.

Luỹ kế 10 tháng đầu năm 2023, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 4.062 tỷ đồng, tăng 35,7% so với cùng kỳ, hành khách vận chuyển 31,3 triệu người, hành khách luân chuyển 2.057,5 triệu người.km, tăng 35,3% về hành khách vận chuyển, tăng 35,2% về hành khách luân chuyển so với cùng kỳ năm trước; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 8.966,9 tỷ đồng, tăng 17,6% so với cùng kỳ; hàng hoá vận chuyển 56,6 triệu tấn, hàng hóa luân chuyển 2.546,8 triệu tấn.km, tăng 13,1% về hàng hóa vận chuyển, tăng 13,0% về hàng hóa luân chuyển so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 3.581,8 tỷ đồng, tăng 39,1% so cùng kỳ; doanh thu bưu chính, chuyển phát ước đạt 60,3 tỷ đồng, tăng 27,2% so cùng kỳ.

4.4. Hoạt động lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

Tháng 10/2023, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 186,4 tỷ đồng, giảm 13,6% so với tháng trước, tăng 17,9% so với tháng cùng kỳ; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 1.532 tỷ đồng, tăng 1,2% so với tháng trước, tăng 12,7% so với tháng cùng kỳ; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 21,7 tỷ đồng, giảm 1,5% so với tháng trước, tăng 11,3% so với tháng cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 1.517 tỷ đồng, tăng 2,3% so tháng trước, tăng 0,1% so tháng cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2023, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 2.009,5 tỷ đồng, tăng 35,3% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 15.099,9 tỷ

đồng, tăng 29,3% so với cùng kỳ; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 216,8 tỷ đồng, tăng 36,2% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 14.258 tỷ đồng, tăng 0,3% so với cùng kỳ.

5. Một số tình hình xã hội

5.1. Thiếu đói trong nông dân và an sinh xã hội

Tháng 10/2023, đời sống Nhân dân trong tỉnh cơ bản ổn định. Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức chi trả đầy đủ, kịp thời trợ cấp ưu đãi hằng tháng đối với hơn 606 nghìn đối tượng chính sách, người có công và thân nhân người có công với cách mạng, kinh phí thực hiện hơn 1.141 tỷ đồng; chi trả trợ cấp xã hội đối với 195 nghìn đối tượng và hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội với tổng kinh phí 900 tỷ đồng; đồng thời, quan tâm xử lý, giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công và thân nhân người có công với cách mạng theo đúng quy định.

5.2. Lao động, việc làm

Tháng 10/2023, toàn tỉnh giải quyết việc làm mới cho 6.500 lao động, trong đó đưa đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài 1.320 người. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh giải quyết việc làm mới cho 54.120 người, trong đó đưa đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài 11.341 người. Bên cạnh việc đẩy mạnh phát triển thị trường lao động, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đã quan tâm hỗ trợ giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách cho người lao động.

5.3. Y tế

Tháng Mười, ngành Y tế tập trung chỉ đạo các cơ sở y tế và các địa phương thực hiện tốt công tác phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh⁹, không để phát sinh thành ổ dịch, lan rộng ra cộng đồng; tập trung khắc phục tình trạng thiếu thuốc, thiết bị, vật tư y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh. Các cơ sở y tế tiếp tục nâng cao chất lượng, ứng dụng kỹ thuật mới trong khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; triển khai mô hình khám chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân gắn chip điện tử và ứng dụng VneID. Quản lý hành nghề y, được tư nhân được kiểm soát chặt chẽ, đã cấp mới, cấp lại 660 chứng chỉ hành nghề được; 1.080 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. Hoạt động thanh tra, kiểm tra vệ sinh ATTP được tăng cường, tổ chức kiểm tra 662 cơ sở, phát hiện, xử lý vi phạm 26 cơ sở. Sở Y tế tăng cường chỉ đạo các đơn vị phòng, chống bệnh Whitmore, bệnh bạch hầu, bệnh đau mắt đỏ; phối hợp với các địa phương bảo đảm công tác vệ sinh an toàn thực phẩm tại các chương trình, lễ hội lớn của tỉnh.

5.4. Giáo dục - Đào tạo

Các đơn vị, trường học đã tập trung đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, học tốt; hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 và triển khai nhiệm vụ

⁹ Trong 10 tháng năm 2023, có 720 ca sốt xuất huyết, 33 ca sởi, 452 ca tay chân miệng, 07 ca liệt mềm cấp nghi bại liệt, 18 ca viêm não do vi rút khác...

năm học 2023 - 2024. Chất lượng giáo dục mũi nhọn tiếp tục được giữ vững, tại kỳ thi học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2022 - 2023, tỉnh ta có 61/78 học sinh đạt giải¹⁰; có 01 học sinh đoạt Huy chương Bạc trong Kỳ thi Olympic Vật lý Quốc tế. Giáo dục đại trà có chuyển biến tích cực, tại Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, toàn tỉnh có 935 điểm 10, xếp thứ ba cả nước, điểm trung bình đạt 6,47 điểm, xếp thứ 21, tăng 06 bậc so với năm 2022. Toàn tỉnh hiện có 1.688 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 83,9%, vượt kế hoạch năm 2023 (KH 83,46%).

Tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh - chọn Đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2023 - 2024 vào các ngày 27-28/9/2023; thành lập Đội tuyển dự thi học sinh giỏi của tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia THPT. Tổ chức cấp phát Giấy chứng nhận trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2023 - 2024. huân bị các điều kiện để tổ chức Kỳ thi nghề phổ thông cho học sinh lớp 12 vào tháng 9/2023.

Tháng Mười, tỉnh Thanh Hóa tổ chức thành công Cầu truyền hình trực tiếp tại điểm cầu Thanh Hóa vòng chung kết Đường lên đỉnh Olympia 2023 năm thứ 23, em Lê Xuân Mạnh, học sinh Trường THPT Hàm Rồng tham dự vòng chung kết đã xuất sắc giành giải Nhất cuộc thi.

5.5. Văn hoá - Thể dục thể thao

Tháng Mười, ngành Văn hóa, Thông tin tiếp tục tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Kỷ niệm 605 năm khởi nghĩa Lam Sơn và Lễ hội Lam Kinh năm 2023; 595 năm Vua Lê Thái Tổ đăng quang, tưởng niệm 590 năm ngày mất của anh hùng Lê Lợi; Kỷ niệm ngày Quốc tế người cao tuổi 01/10. Hướng dẫn, chỉ đạo Trung tâm Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và các sự kiện lịch sử quan trọng của tỉnh, của đất nước. Tham gia triển lãm “Không gian di sản văn hóa, danh thắng Việt Nam và sản phẩm thủ công truyền thống” tại tỉnh Ninh Bình. Tham gia triển lãm “Di sản văn hóa biển, đảo Việt Nam” tại tỉnh Bình Thuận.

Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa được quan tâm thực hiện; phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được duy trì. Từ đầu năm đến nay, có thêm 04 di sản văn hóa phi vật thể của tỉnh được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia¹¹; 05 di tích được cấp bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh. Các hoạt động văn hóa, thể thao với nhiều lễ hội truyền thống đặc sắc, giữ gìn nét đẹp văn hóa cổ truyền của Nhân dân các dân tộc được tổ chức sôi nổi, thu hút đông đảo Nhân dân và du khách tham gia. Thể thao quần chúng được quan tâm, trong 10 tháng đầu năm 2023 đã tổ chức 14 giải, hoạt động thể dục thể thao cấp tỉnh. thể thao thành tích cao đạt 590 huy chương các loại (178

¹⁰ Gồm: 03 giải nhất, 15 giải nhì, 22 giải ba và 21 giải khuyến khích, xếp thứ 6 toàn quốc.

¹¹ Gồm: (i) Tập quán xã hội và tín ngưỡng Mo Mường tại 11 huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa; (ii) Lễ hội đền thờ Lê Hoàn, xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân; (iii) Nghi lễ Nhánh chập đão (Tết nhảy) của người Dao, huyện Ngọc Lặc; (iv) Múa đèn xếp chữ, hát chèo chải cô trong Lễ hội Ngư Vong Phường làng Nhân Cao, xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa.

HCV, 161 HCB, 251 HCD); trong đó có 17 huy chương tại SEA Games 32 (7 HCV, 5 HCB, 5 HCD). CLB Bóng đá Đông Á Thanh Hóa giành chức vô địch Cúp Quốc gia năm 2023, siêu Cúp bóng đá Quốc gia - Cúp THACO 2023; đội tuyển U19 Thanh Hóa giành chức vô địch Giải bóng đá U19 quốc gia năm 2023; được lãnh đạo tỉnh tổ chức tuyên dương, khen thưởng kịp thời.

5.6. Tai nạn giao thông

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông tỉnh, tháng 10/2023 (tính từ ngày 15/9/2023 đến ngày 14/10/2023), toàn tỉnh xảy ra 62 vụ tai nạn giao thông, làm chết 21 người, bị thương 68 người; so với cùng kỳ năm 2022, tăng 33 vụ, tăng 13 người chết, tăng 34 người bị thương. Tính chung 10 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh xảy ra 449 vụ tai nạn giao thông, làm chết 178 người, bị thương 461 người; so với cùng kỳ năm 2022, tăng 201 vụ, tăng 86 người chết, tăng 241 người bị thương.

5.7. Thiệt hại do thiên tai

Tính từ đầu năm 2023 đến nay, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã xảy ra và chịu ảnh hưởng của 03 đợt thiên tai, mưa lũ; làm 115 nhà ở, 01 nhà bếp và 04 phòng học bị hư hỏng; 49,6 ha lúa và 6,5 ha cây lâm nghiệp bị hư hại; 02 cầu phao bị cuốn trôi; 01 cầu tràn bị hư hỏng; 02 vụ sạt lở taluy âm, ước tính giá trị thiệt hại khoảng 5,35 tỷ đồng.

5.8. Cháy, nổ

Tháng 9/2023, xảy ra 14 vụ cháy, nổ (04 vụ tại thành phố Thanh Hóa; 02 vụ tại thành phố Sầm Sơn; các huyện Hoằng Hóa, Vĩnh Lộc, Ngọc Lặc, Quảng Xương, Đông Sơn xảy ra 01 vụ), thiệt hại khoảng 9 tỷ đồng. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023 xảy ra 78 vụ cháy, làm 04 người chết, thiệt hại 3.994 tỷ đồng./.

CỤC THỐNG KÊ THANH HÓA